

MỘT VÀI NÉT VỀ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TỔNG QUÁT CỦA THIÊN NHIÊN NƯỚC TA

NGUYỄN ĐỨC CHÍNH — VŨ TỰ LẬP

Các điều kiện tự nhiên của một nước được xác định trước hết bởi vị trí địa lý và lịch sử địa chất, vì những nhân tố này chi phối lượng nhiệt bức xạ mặt trời, lượng ẩm, cấu trúc địa chất, qua đó mà ảnh hưởng đến sự biểu hiện của các qui luật địa lý phổ biến (qui luật địa đới, địa khu, qui luật kiến tạo — địa mạo, qui luật đai cao) và của các quá trình địa lý (quá trình hình thành địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật).

1. Nước Việt-nam nằm ở trung tâm Đông-nam Á trong vòng đai nhiệt đới bắc bán cầu, nhích về phía chí tuyến (vĩ độ Đồng-văn, $23^{\circ} 22' B$) hơn là về xích đạo (vĩ độ Cà-mau, $8^{\circ} 30' B$). Vị trí này đã khiến cho nước ta hằng năm thu nhận được một lượng lớn bức xạ mặt trời với cân bằng bức xạ dương quanh năm: từ Lạng-sơn đến mũi Cà-mau nhiệt độ trung bình năm đều trên $21^{\circ}C$ và tổng nhiệt độ vượt quá $7500^{\circ}C$, nghĩa là đạt và vượt tiêu chuẩn của nhiệt đới. Vị trí này lại đặt nước ta ở chỗ tiếp xúc giữa nhiều hệ thống tự nhiên, giao lưu giữa nhiều luồng gió, giao điểm của nhiều luồng di cư sinh vật, làm cho tính chất đa dạng, phong phú, phức tạp là đặc điểm nổi bật của thiên nhiên nước ta.

Về mặt địa chất kiến tạo. Việt-nam phát triển trong một khu vực địa mảng hội sinh lớn giữa nền bằng Xibia và nền bằng Gônvana, đồng thời cũng bao gồm những bộ phận của nền Hoa Nam, địa khối Indô-sini, hệ địa mảng uốn nếp Trường-sơn và hệ địa mảng uốn nếp Thái-lan — Mã-lai. Chính vì vậy mà ta có những khoáng sản của miền nền, của dãy Thái-bình-dương và dãy Địa-trung-hải, nghĩa là, có hầu

hết các khoáng sản có giá trị: vàng, pyrit, thiếc, đồng, dầu lửa, sắt, mangan, crômít, niken, coban, vonfam, thủy ngân, kẽm, chì, bạc, bôxít, apatít, than v.v... Ngoài ra, sự tiếp xúc về cấu trúc địa chất còn dẫn tới sự tiếp xúc trong địa bình: giữa nước ta và các nước chung quanh có thể núi liền núi, sông liền sông, đồng bằng liền đồng bằng, tạo nên những cầu tự nhiên cho sinh vật giao lưu dễ dàng, hình thành một khu hệ động vật và thực vật vô cùng phong phú, với các thành phần Hoa Nam, Ấn-độ — Miến-điện, Mã-lai — Indônêxia bên cạnh các thành phần đặc hữu.

Lịch sử phát triển tự nhiên, nhất là lịch sử tân kiến tạo từ kỷ Đệ tam đến nay, còn là nguyên nhân khiến cho tính chất bán đảo, tính chất đồi núi là đặc điểm nổi bật của thiên nhiên nước ta. Trên 3 000 km bờ biển uốn cong đã tạo nên một dải duyên hải giàu có: những bãi triều của rừng cây nước mặn với nhiều hải sản quý (sò, hào, tôm, cua, hải sâm, rau câu...) những cồn cát, bãi cát với những ruộng muối bạt ngàn; những trung tâm nghỉ mát và đánh cá nổi tiếng, những vũng kín có bán đảo và đảo làm thành bình phong bảo vệ tàu bè (Đà-nẵng, Cam-ranh); những cửa sông rộng và sâu là các nút giao thông huyết mạch giữa đồng bằng và miền duyên hải.

Tiếp theo bờ biển nhiều hướng và nhiều dạng như thế, là vùng thềm lục địa nông, rộng ở hai đầu, thắt ở giữa như muốn lặp lại địa hình trên đất nổi, với nguồn sa khoáng và mỏ nguồn gốc hữu cơ như dầu lửa, khí đốt tập trung. Biển Đông lại là nơi có nhiều đảo và quần đảo vốn là những nhánh núi

ngầm từ lục địa lan ra, và một số đảo san hô. Đây chủ yếu là những trung tâm đánh cá và hải sản quý (ngọc trai, san hô, đồi mồi), và cũng có nơi là kì quan thế giới (vịnh Hạ-long). Với đặc điểm này, chúng ta phải đẩy mạnh việc khai thác triệt để vùng biển và bờ biển, đặc biệt cần hết sức coi trọng việc phát triển công nghiệp phục vụ khai thác biển và giao thông đường biển. Biển là nguồn dự trữ vật chất và năng lượng khổng lồ, nhưng trước mắt, biển có nguồn đạm động vật vô giá là nguồn hải sản để phục hồi và nâng cao sức khỏe của nhân dân ta. Do đó, ngoài việc đánh bắt, cần phải tổ chức nuôi hải sản: nhuyễn thể, tôm, cua, cá, tảo... tại các vùng nông và kín; phải hiện đại hóa ngành đánh cá biển để đuổi kịp các nước tiên tiến về mặt này.

Trên đất liền, phần lớn lãnh thổ nước ta là đồi núi; đồng bằng chỉ chiếm hơn 1/5 diện tích và tập trung ở vùng các cửa sông. Do lịch sử phát triển địa chất nói trên, hệ thống núi của nước ta chia thành hai bộ phận với đối nham tương sông Hồng làm ranh giới. Khu vực Đông-bắc và Việt-bắc là núi tương đối thấp và sắp xếp theo hình cánh cung, giữa các dãy núi là những thung lũng rộng hoặc lòng chảo vốn là những hồ Nêôgen cũ. Khu vực nằm từ phía hữu ngạn sông Hồng cho đến sông Cả có nhiều núi trung bình và cả núi khá cao với cấu trúc núi phức tạp, chạy theo hướng đông bắc — đông nam và thấp dần từ trong lục địa ra biển. Từ sông Cả đến vùng Đông Nam-bộ, dải Trường-sơn tạo thành một cánh cung chạy ra sát biển với hai sườn không đối xứng rõ rệt: sườn đông hẹp ngang và dốc đứng, còn sườn tây thoải thoải và tỏa rộng thành những cao nguyên.

Về bản chất, núi Việt-nam là núi già được trẻ lại do vận động nâng lên của tân kiến tạo diễn ra từ Miôxen (cách đây khoảng 25 triệu năm), được nâng lên cao dần theo nhiều đợt nên tính chất *phân bậc* là đặc trưng nổi bật của địa hình Việt-nam, trong đó núi thấp dưới 1000 m chiếm tới 85% diện tích, núi trên 1000 m chiếm 14%, núi cao từ 2000 m trở lên, chỉ chiếm 1%.

Núi nước ta tuy thấp nhưng miền núi nước ta cũng hiểm trở, khó đi lại, mà nguyên nhân là sự cắt xẻ mãnh liệt của hệ thống sông suối dày đặc, làm cho núi vừa dốc vừa bị chia cắt. Riêng một số vùng cao nguyên hay cao nguyên đá vôi hiểm nước trên mặt, hoặc cao nguyên dung nham bazan lấp đầy những chỗ lồi lõm thì mới tương đối bằng phẳng, dễ khai thác và thực tế đã trở thành những trung tâm kinh tế trù phú tại miền núi. Nhìn chung, vùng đồi

trung du ở ta không rộng và chuyển tiếp nhanh lên miền núi. Vùng trung du Đông-bắc và Việt-bắc tương đối rộng là một biệt lệ. Hiện nay có ý kiến cho rằng, trung du về bản chất không thuộc miền núi, mà là một dạng của đồng bằng — đồng bằng dạng đồi. Cũng có tác giả lại cho rằng, xét về độ dốc thì trung du vẫn là thuộc miền núi. Đây là một vấn đề cần thảo luận thêm. Theo chúng tôi, trung du là vùng cần được khai phá để trồng cây công nghiệp, cây ăn quả và chăn nuôi.

Tại khu vực đồi núi có một dạng địa hình đặc sắc, đó là địa hình caxtơ đá vôi, tập trung ở địa máng phía bắc địa khối Indô-sini với những hang động, cửa biển, phễu, thung, đồng, vách đứng. Địa hình caxtơ vừa kì thú, vừa bí hiểm, vừa chứa nhiều tài nguyên mà chúng ta không thể bỏ qua được khi phát triển kinh tế miền núi (nhất là khi xây dựng giao thông đường sắt, xây dựng các công trình thủy điện và thủy lợi) để làm sao tránh được hiện tượng mất nước, lại sử dụng được lượng nước ngầm phong phú.

Địa hình đồi núi còn làm cho qui luật đai cao, qui luật giảm nhiệt — chủ yếu do sự gia tăng phát xạ mặt đất — phát huy tác dụng. Ngoài ra, ta có những đai địa lí thẳng đứng thể hiện rõ cả ở miền Bắc lẫn miền Nam. Do gió mùa đông bắc lạnh, ranh giới đai cao có xê dịch tùy từng vùng núi. Nhưng nếu khử sự bất đồng nhất ấy — nghĩa là nếu lấy sự biến thiên theo độ cao của chế độ nhiệt mùa hạ — ta sẽ có những đai cao thống nhất cho cả nước, còn những dải so le chỉ nên coi như là những á đai của một đai chính nào đó.

Về đại thể, nước ta có những đai và á đai sau:

1 — *Đai nhiệt đới từ hơi ẩm đến ẩm ướt chân núi* (từ 0 m đến 600 m) với tổng nhiệt độ trên 7500°C , tương quan nhiệt ẩm trên 1,5 và có mùa hạ nhiệt đới nóng trên 25°C với các á đai (chủ yếu chỉ thể hiện ở miền Bắc):

- 1a. 0 — 100 m: ở miền Bắc cũng không có mùa đông rét (mùa đông rét: $< 15^{\circ}\text{C}$)
- 1b. 100m — 300m: ở miền Bắc có nơi đã có mùa đông rét (khu Đông-bắc)
- 1c. 300 — 600 m: ở miền Bắc nhiều nơi đã có mùa đông rét, ở miền Nam có thể có sự phân hóa từ á đai này với một số tháng mát dưới 25°C (từ tháng 10 đến tháng 2) không đến nổi nóng quanh năm như dưới 300 m.

2 — *Đai á nhiệt đới từ hơi ẩm đến ẩm ướt trên núi* (từ 600 m đến 2600 m) với tổng nhiệt độ trên 4500°C , tương quan nhiệt ẩm trên 1,50, có mùa hạ á nhiệt đới trên núi, mát dưới 25°C , với các á đai:

2a. 600 — 1000 m : á đai chuyển tiếp từ nhiệt đới sang á nhiệt đới trên núi.

2b. 1000 — 1600 m : á đai á nhiệt đới trên núi điển hình.

2c. 1600 — 2600 m : á đai á nhiệt đới đã có những nét của ôn đới.

3 — *Đai ôn đới từ hơi ẩm đến ẩm ướt trên núi* (từ 2600 m trở lên) với tổng nhiệt độ trên 1700°C , tương quan nhiệt ẩm trên 1,50, rét quanh năm dưới 15°C . Những á đai của đai này không phụ thuộc nhiều vào nhiệt độ núi cao (đỉnh Fanxipan : 3142 m) mà chủ yếu phụ thuộc vào địa hình và thổ nhưỡng. Thông thường, trên đường đỉnh hẹp, dốc, đất mỏng trơ đá gốc, gió lại mạnh, sẽ có thực bì khô cần, phổ biến là họ tre, trúc lùn. Trên các sườn ẩm hơn, đất dày hơn, có thể gặp các thực bì hỗn giao lá rộng, lá kim.

Với một số nét chung về các điều kiện nhiệt ẩm giữa các đai cao và đai ngang cùng tên, chúng ta có thể nhập nội và phát triển các loài cây á nhiệt đới và ôn đới ngắn ngày cũng như lâu năm : mì mạch, rau đậu, hoa quả, cây thuốc, cây công nghiệp ; đồng thời có thể chăn nuôi bò sữa và cừu. Tuy nhiên, đai cao không phải là đai ngang vì khác nhau về nguồn gốc phát sinh. Các đai ngang á nhiệt đới và ôn đới có sự giảm nhiệt, chủ yếu do giảm bức xạ mặt trời theo vĩ độ ; còn đai cao, như đã nói trên, lại do sự gia tăng phát xạ mặt đất. Vì thế, tuy nhiệt độ trung bình tháng, tổng nhiệt độ tương quan nhiệt ẩm có thể giống nhau, nhưng nhịp điệu mùa, nhịp điệu ngày và thời tiết có thể khác nhau. Do đó, ta không thể nhập nội bất kì loài cây trồng hay gia súc nào, và khi nhập nội thì thời vụ và biện pháp kĩ thuật cũng phải « hiệu chỉnh » cho phù hợp với thực tế các đai cao ở nước ta.

Như vậy, nếu nhận thức rằng đất nước ta chủ yếu là đồi núi với các đai cao, thì tất yếu muốn nước giàu, dân mạnh, không thể không đưa người lên *phát triển kinh tế vùng đồi núi*, trước hết là các vùng đồi thoải, các bề mặt bóc mòn cổ, các cao nguyên và sơn nguyên. Đây là vùng công nghiệp tập trung, trước mắt là khai khoáng, tương lai là công nghiệp liên hợp, là vùng công nghiệp rừng, vùng chăn nuôi gia súc lớn, vùng công nghiệp, vùng cây á nhiệt đới và ôn đới. Ngoài ra, khí hậu mát mẻ và phong cảnh đẹp cho phép ta lập nên ở vùng đồi núi những trung tâm nghỉ mát và du lịch tốt : Sa-pa, Tam-đảo, Mẫu-sơn, Bà-nà, Bạch-mã, Đà-lạt. Muốn phát triển kinh tế miền núi thì giao thông vận tải và công nghiệp, điện phải đi trước một bước. Ở đây, nguồn

thủy điện dồi dào là một thuận lợi phải khai thác triệt để.

Nói như vậy, tuyệt đối không phải coi nhẹ các vùng đồng bằng, mà chỉ muốn phát triển đồng đều, toàn diện và cân đối nền kinh tế quốc dân. Bởi vì đồng bằng nước ta tuy không rộng nhưng lại rất phì nhiêu và dễ khai thác. Hơn nữa, Việt-nam là châu thổ của những con sông lớn, nhờ đổ ra biển Đông, mang theo phù sa màu mỡ bồi đắp các vịnh và vùng nông bị sụt vũng khi miền đồi núi được nâng lên. Theo qui luật : sông càng lớn chuyển vận càng nhiều phù sa, vịnh càng rộng thì đồng bằng càng phát triển. Còn lại các vùng hẹp, bị các nhánh núi ngang đi từ sườn đông của dải Trường-sơn chia cắt, thì các sông nhỏ bé, nước trong xanh, với sự hiệp lực của phù sa biển chỉ tạo được các cánh đồng xinh xắn. Hiện nay, ở đồng bằng Bắc-bộ, với cách mạng kĩ thuật, nông nghiệp ta đã đạt năng suất phổ biến là 5 tấn thóc/1 ha/năm, nhưng mức 10 tấn không phải là không hiện thực, vì những ruộng có năng suất cao đã cho đến 7 tấn/ha/vụ đông xuân và 5 tấn/ha/vụ mùa. Đồng bằng sông Cửu-long còn nhiều triển vọng hơn nữa, tuy rằng hiện nay năng suất có thua kém miền Bắc. Nếu đẩy mạnh biện pháp thủy lợi, chống lũ lụt một cách khoa học và cải tạo giống lúa, ta có thể tăng năng suất tại các vùng lúa xạ, vùng lúa cấy hai lần, vùng lúa cấy một lần, mở rộng diện tích trồng trọt và tăng vụ. Như thế, chúng ta sẽ trở lại thời kì nước ta là một nước xuất khẩu gạo, là một vựa lúa ở Đông-nam Á.

Nước ta nằm ở khu vực châu Á gió mùa, mà đặc trưng của chế độ gió mùa có thể tóm tắt như sau :

1 — Có sự thay đổi rõ rệt trong hướng gió : về mùa đông, gió có thành phần bắc ; về mùa hạ, gió có thành phần nam.

2 — Lượng mưa tập trung vào một mùa, tới 80 — 90% từng nơi, chủ yếu do các hướng gió từ biển đi tới.

3 — Các hệ thống cao áp, hạ áp và trough di động trên một khoảng rất rộng ; khối khí cực lan mạnh về phương nam theo trough cực ; khối khí xích đạo lên cao về phía bắc theo đường hội tụ nhiệt đới ; cao áp bắc chí tuyến với gió tín phong cũng di động trong một phạm vi lớn.

Đó chính là cơ sở khoa học cho chủ trương lớn của Đảng : thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong nông nghiệp.

Do tác động của qui luật địa khu (hoặc địa ô) như vậy, mà trên toàn bộ lãnh thổ Việt-nam, không kể miền Bắc, miền Trung hay miền Nam, không kể miền núi hay đồng bằng, đâu đâu cũng có hai mùa: mùa khô và mùa mưa, khác nhau rõ rệt. Do đó, nếu tính toán theo trị số trung bình năm thì nước ta thuộc về vành đai nhiệt đới ẩm, lượng mưa ít ra là gấp 1,5 lần lượng bốc hơi, nhưng trên thực tế, ta có một thời kì thiếu nước phải chống hạn, và một thời kì thừa nước phải chống úng. Nếu không dùng biện pháp thủy lợi để điều hòa nước, để tưới tiêu hợp lí thì quanh năm nông nghiệp nước ta sẽ gặp khó khăn. Đối với miền đồi núi, do tác dụng bức chắn, lượng mưa trên vùng núi có tăng, đồng thời do nhiệt độ hạ thấp có làm giảm độ bốc hơi, khiến cho, theo tính toán thì lượng mưa hằng năm có thể gấp 2—3 lần (hay hơn nữa) lượng bốc hơi, nhưng trên thực tế, nước mưa theo độ dốc và sông suối mà đổ về đồng bằng và ra biển. Nếu đất rừng bị xói bị nạn xói mòn phá hủy, không giữ được nước nữa, thì tình trạng thiếu nước còn gay gắt hơn, nhất là việc dẫn nước tưới cho đồi núi lại khó khăn gấp bội so với dẫn nước tưới cho đồng bằng. Theo chúng tôi, khi khai thác đồi núi để trồng cây nông nghiệp, nên ưu tiên trồng các loại chịu khô hạn.

Tính chất ẩm của thiên nhiên Việt-nam thể hiện rõ nhất ở độ ẩm tương đối trong không khí, cao trên 80% (do tính chất bán đảo của lãnh thổ). Thời tiết mưa phùn, lượng mây, sương mù, sương móc có làm giảm phần nào tính chất khô hạn của thiên nhiên nước ta, khiến cho phần lớn các loài cây vẫn giữ lại bộ áo màu xanh, nhưng đây cũng chỉ là trạng thái tiềm sinh, chứ thực ra cây cối đã ngừng tăng trưởng vì trong đất thiếu nước và luôn chờ đợi mùa mưa tới. Một khi đất đai quá thoái hóa, hoặc lượng mưa hằng năm quá thấp (như ở phần cực nam Trung-bộ) thì các thực bì khô hạn sẽ phát triển dễ dàng. Ở đây, ta đã thấy những savan nhiệt đới, những rừng thưa rụng lá thay thế những cánh rừng nhiệt đới lá rộng thường xanh. Rõ ràng, nếu không chú ý đến qui luật địa khu, mà nguồn gốc là sự hoàn lưu khí quyển, chủ yếu là hoàn lưu đại dương—lục địa, ta sẽ không khai thác được lượng ẩm dồi dào, ta sẽ tàn phá những cánh rừng mưa nhiệt đới, những đất đai feralit đỏ vàng sâu dày, để cuối cùng, chỉ còn những đồi trọc, trơ sỏi sạn, đến nổi cỏ cây cũng khó mọc.

Qui luật địa khu cũng còn làm giảm sút tính chất nhiệt đới ẩm của thiên nhiên Việt-nam

và đây là một trong những nguyên nhân khiến cho một vài tác giả nghi ngờ tính chất nhiệt đới của thiên nhiên miền Bắc nước ta. Những đợt gió mùa đông-bắc rét từ trung tâm cao áp Xibia, qua Trung-quốc tràn sang đất nước ta theo từng đợt, từ cuối tháng 11 cho đến cuối tháng 2, đã gây nên nhiệt độ trung bình ngày dưới 15°C, và nhiệt độ tối thiểu dưới 10°C, có nơi dưới 0°C, mang lại cho khu vực phía bắc, từ đèo Ngang trở ra một mùa đông thật là bất thường với vòng đai nhiệt đới. Nếu tính đến cả các đợt gió mùa lạnh, gây nên những nhiệt độ trung bình ngày dưới 20°C, thì thời gian phi nhiệt đới kéo dài từ đầu tháng 10 đến cuối tháng 4, và khu vực mà tính chất nhiệt đới giảm sút, mở rộng đến vĩ độ 16—15°B. Vì thế, về phương diện địa lí thực vật, khu vực từ Đồng-hới đến Quảng-nam rất đặc sắc: tại đây còn có những loài cây phương nam (mà vượt qua Hoành-sơn không thấy nữa) như giáng hương, huỳnh đường; đồng thời, vẫn gặp những loài cây phương bắc (mà đi quá vào trong chút nữa ta sẽ mất đi) như cây lim. Rất có thể, chính những nhiệt độ tối thiểu do gió mùa đông-bắc gây nên đã là nguyên nhân của những ranh giới địa thực vật này. Để hợp lí hóa việc phân bố cây trồng và thời vụ, thì từ phía nam đèo Hải-vân chỉ nên phát triển các cây công nghiệp nhiệt đới có biên độ sinh thái hẹp; và từ phía bắc đèo Ngang, nhất là từ phía bắc vĩ độ 20°B trở ra thì nên phát triển vụ cây lương thực ôn đới ngắn ngày và nên trồng cây công nghiệp á nhiệt đới dài ngày.

Như vậy, nếu vị trí địa lí *nhiệt đới* và tính chất *bán đảo* đã tạo nên một thiên nhiên Việt-nam, về căn bản mang sắc thái địa đới là *nhiệt đới ẩm* với đất feralit đỏ vàng và rừng rậm nhiệt đới lá rộng thường xanh, thì mặt khác, sự tác động tương hỗ giữa các qui luật địa lí đã mang lại cho đất nước ta một bức tranh nhiều màu sắc, làm cho đất nước ta thêm đẹp, thêm giàu, với tài nguyên các vùng bổ sung cho nhau, tạo điều kiện cho chúng ta xây dựng một nền kinh tế toàn diện, độc lập và tự chủ. Nhưng, tính chất đa dạng đó cũng nhắc ta không được giản đơn trong cách nhìn nhận mọi vấn đề, khi thấy mặt thuận lợi cũng không nên quên mặt khó khăn.

Các khoáng sản của nước ta tuy nhiều loại, dễ khai thác, nhưng cho đến nay mới phát hiện được một số ít mỏ có trữ lượng lớn, do đó phải thăm dò và đánh giá trữ lượng một

cách cẩn thận, và nên phát triển công nghiệp có trọng điểm.

Tính chất nóng ẩm còn làm tăng mức độ hao mòn của máy móc, gây khó khăn cho việc bảo quản thiết bị của các xí nghiệp.

Việc xây dựng kinh tế miền núi và miền biển có triển vọng lớn nhưng đòi hỏi phải có nhiều vốn đầu tư, có khoa học và kĩ thuật hiện đại.

Thực bì rừng ở nước ta đã bị tàn phá, phần lớn chỉ còn rừng thứ sinh, tre nứa, saven cây bụi. Đất đai ở nhiều nơi; do rừng đã mất nên bị xói mòn nghiêm trọng, nơi đất thoái, đất bằng, nói chung đã thoái hóa; muốn mở rộng diện tích khai hoang phải khắc phục độ dốc.

Chúng ta còn thiếu những bộ giống cây trồng và gia súc có năng suất thật cao.

Phân bón cũng chưa đủ, chủ yếu là thiếu phân đạm.

Công tác thủy lợi còn nhiều điểm chưa hợp lí, nói chung vẫn thiếu nước, nhất là tại vùng đồi núi. Đến nay năng suất bình quân và tổng sản lượng nông nghiệp vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu.

Những khó khăn đó là những khó khăn thực sự, nhưng nguồn gốc sâu xa của chúng là sự tàn phá và kìm hãm của chế độ phong kiến và đế quốc phản động hàng trăm năm nay đã bị vĩnh viễn xóa bỏ. Nắm chắc mặt thuận lợi, khắc phục mặt khó khăn; đẩy mạnh công cuộc nghiên cứu khoa học để hiểu biết đất nước một cách sâu sắc trên quan điểm tổng hợp và biện chứng, nhìn tự nhiên như những hệ thống hoàn chỉnh mà mỗi mặt, mỗi vùng đều có quan hệ chặt chẽ với nhau; rút ra những bài học về bảo vệ và cải tạo môi trường sống, thì chúng ta có đầy đủ nghị lực và tài năng để tìm ra những giải pháp phát triển kinh tế đúng.

Vài nét về tình hình thiết kế hiện nay...

(Tiếp theo trang 21)

lãnh đạo đối với lĩnh vực thiết kế như hiện nay; với cơ sở vật chất kĩ thuật thiếu thốn, nghèo nàn thì rõ ràng không thể nào đưa công tác này tiến lên chính qui, khoa học, không thể nào đẩy công tác thiết kế đi trước một bước trong yêu cầu phát triển nhanh kĩ thuật và sản xuất, do đó mà khó có nhiều sản phẩm có trình độ kĩ thuật cao, chất lượng tốt. Thực trạng đó của công tác thiết kế chỉ ứng được với sản xuất nhỏ, không thể nào đáp ứng được cho yêu cầu của nền sản xuất lớn. Để đẩy mạnh được công tác thiết kế của ngành chế tạo cơ khí trong những năm tới, theo chúng tôi cần đặc biệt chú ý:

1. Chấn chỉnh, kiện toàn các viện, các cơ quan nghiên cứu thiết kế, cụ thể phải giải quyết các yêu cầu cơ bản bao gồm:

— Dứt khoát về một tổ chức hợp lí, xác định rõ ràng chức trách, theo chuyên môn hóa, tập trung, theo nhóm sản phẩm.

— Trang bị mới, bổ sung thêm các thiết bị cần thiết cho công tác nghiên cứu, thí nghiệm và khảo nghiệm đúng chức trách của cơ quan nghiên cứu đó.

— Cho địa điểm phù hợp, cho các phương tiện làm việc đủ để tiến hành công tác bình thường có chất lượng và năng suất.

— Tinh giảm biên chế các cơ quan nghiên cứu thiết kế nhằm gọn nhẹ, nâng cao được năng lực, chất lượng công việc cụ thể với hai yêu cầu:

. Rút bớt những người không có năng lực nghiên cứu, thiếu thực tế sản xuất cho về cơ sở.

. Bổ sung thêm những cán bộ có năng lực nghiên cứu, có thực tế sản xuất chọn từ cơ sở lên, để nhằm dần dần đưa công tác của các cơ quan nghiên cứu thiết kế vào nền nếp, khoa học và hạch toán được.

2. Chấn chỉnh tốt nền nếp quản lí về lễ lối xét duyệt, kiểm soát một cách nghiêm túc, có hiệu quả các giai đoạn cụ thể của quá trình thiết kế.

3. Đẩy mạnh hơn nữa công tác tiêu chuẩn hóa, ưu tiên nhập ngoại các thiết kế sản phẩm mẫu, tổ chức tốt công tác sưu tầm, khai thác các tài liệu kĩ thuật cần có và đã có.